

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 7 - 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Và Dưỡng và Ông Nguyễn Chánh Bôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Bé G, sinh năm 1998.

Số CCCD: 096198009165

Nơi thường trú: Ấp R, xã N (xã R, huyện P cũ), tỉnh Cà Mau.

Nơi tạm trú: Tổ F, ấp D, xã T (xã S, huyện T cũ) tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tất D, sinh năm 1992.

Số CCCD: 075092018800

Địa chỉ: Ấp T, xã T (xã P, huyện Đ cũ), tỉnh Đồng Nai.

(Chị Gái, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Huỳnh Bé G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/7/2022. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, chỉ dẫn con về T sinh sống, không còn quan tâm đến nhau nên bắt đầu sống ly thân từ hơn 01 năm nay. Nay không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tất D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 12/7/2023. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại bản tự khai, biên bản làm việc; bị đơn anh Nguyễn Tất D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/7/2022. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị G không chung thủy, có mối quan hệ với người con trai khác. Nay chị G làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 12/7/2023. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị G tự ý đưa con về huyện T, gửi nhà trẻ, không chăm lo cho con cái. Tuy nhiên, hiện tại để không làm xáo trộn tâm lý và cuộc sống của con chung nên anh đồng ý giao con cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị G, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không sống cùng nhau, không còn yêu thương, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị G nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 12/7/2023 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị Gái phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị G, anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị G, anh D.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Tá D1 có hộ khẩu thường trú tại xã T (xã P, huyện Đ cũ), tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Bé G khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Bé G và anh Nguyễn Tất D đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/7/2022, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống, chị G anh D hiện nay không còn chung sống với nhau, anh D cùng đồng ý vợ chồng có mâu thuẫn, đồng ý ly hôn với chị G. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị G anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Bé G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị G anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 12/7/2023. Cháu K hiện nay đang sống cùng chị G; anh D đồng ý giao con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó giao con chung cho chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Bé G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 19, 51, 56, 68, 69, 71, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Bé G được ly hôn với anh Nguyễn Tất D.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Đăng K, sinh ngày 12/7/2023 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị G không yêu cầu.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Bé G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai số 0011628 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Đồng Nai) được trừ vào số tiền án phí. Chị Gái đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Bé G và anh Nguyễn Tất D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đồng Nai;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Thanh Thái